

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**XE KHÁCH HÀ NỘI**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 27

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vận tải hành khách phía Bắc theo Quyết định số 2582/QĐ – UB ngày 23 tháng 6 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 056699 ngày 05 tháng 10 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật và ngành nghề kinh doanh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 10 ngày 07 tháng 02 năm 2018 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3827 1923
- Fax : (024) 3873 3011

**Hoạt động kinh doanh của Công ty:**

Vận tải hành khách công cộng và đại lý vận chuyển hàng hóa; Vận tải hành khách liên tỉnh và du lịch, taxi tải và taxi chở khách.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Huy	Chủ tịch	Ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Hậu	Ủy viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2017
Bà Phạm Thị Anh Thơ	Ủy viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2017

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Công Lương	Trưởng ban	Ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Bá Sơn	Thành viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	Ngày 11 tháng 5 năm 2017

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Huy	Giám đốc	Ngày 30 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Ngọc Thiện	Phó Giám đốc	Ngày 28 tháng 12 năm 2016

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Huy – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2016).



# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



**Đỗ Văn Huy**

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

315  
NHẬP  
NG T  
KIỂM T  
AN VÀ  
&  
HÀ  
ĐA

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0101/21/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 8 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức- Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1



**Trần Anh Tuấn- Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI**

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>14.238.114.731</b>	<b>10.315.955.850</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4.065.060.868</b>	<b>4.751.820.072</b>
1. Tiền	111		2.554.520.454	2.716.728.952
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.510.540.414	2.035.091.120
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>286.800.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	286.800.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.076.430.566</b>	<b>4.665.877.854</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.774.260.000	4.506.519.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	54.914.700	27.960.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	247.255.866	131.398.854
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>532.981.096</b>	<b>635.823.321</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	532.981.096	635.823.321
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>276.842.201</b>	<b>262.434.603</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	139.920.780	262.434.603
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		136.921.421	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>57.311.573.045</b>	<b>54.589.933.191</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.222.334.059</b>	<b>48.479.578.485</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	52.222.334.059	48.479.578.485
<i>Nguyên giá</i>	222		101.718.905.947	93.709.302.402
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(49.496.571.888)	(45.229.723.917)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.089.238.986</b>	<b>6.110.354.706</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	5.089.238.986	6.110.354.706
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>71.549.687.776</b>	<b>64.905.889.041</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>49.973.683.236</b>	<b>43.686.791.235</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.379.020.662</b>	<b>18.776.358.271</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	13.280.268.689	4.884.653.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.873.312	361.834.659
4. Phải trả người lao động	314		5.237.750.621	4.765.374.245
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.285.214.244	1.084.191.226
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	42.045.454	179.090.908
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	1.099.780.302	1.553.648.426
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	6.296.403.396	5.832.272.804
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	130.684.644	115.292.397
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.594.662.574</b>	<b>24.910.432.964</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	8.175.837.329	8.460.841.775
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	14.418.825.245	16.449.591.189
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>21.576.004.540</b>	<b>21.219.097.806</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>21.576.004.540</b>	<b>21.219.097.806</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.853.060.000	18.853.060.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.853.060.000	18.853.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.645.897	678.645.897
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.044.298.643	1.687.391.909
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.687.391.909	1.687.391.909
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		356.906.734	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>71.549.687.776</b>	<b>64.905.889.041</b>

Người lập biểu

Lại Tuyết Kim

Kế toán trưởng

Phạm Thị Anh Thơ

Lập, ngày 8 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Đỗ Văn Huy



# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	81.754.178.140	97.462.417.811
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		81.754.178.140	97.462.417.811
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	75.202.991.180	91.787.662.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.551.186.960	5.674.755.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	79.336.895	160.373.720
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.260.573.613	1.034.052.680
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.909.594.696	1.034.052.680
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.288.569.861	4.045.361.490
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		81.380.381	755.714.884
11. Thu nhập khác	31	VI.6	436.461.818	1.370.691.238
12. Chi phí khác	32	VI.7	25.310	9.240.509
13. Lợi nhuận khác	40		436.436.508	1.361.450.729
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		517.816.889	2.117.165.613
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		77.117.908	430.433.123
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		440.698.981	1.686.732.490
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	222	844
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	222	844

Lập, ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lại Tuyết Kim

Phạm Thị Anh Thơ

Đỗ Văn Huy



# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	517.816.889	2.117.165.613
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10.034.636.971	10.279.876.947
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(494.265.620)	(1.355.452.147)
- Chi phí lãi vay	06	1.909.594.696	1.034.052.680
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.967.782.936	12.075.643.093
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.436.313.275)	186.645.528
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	102.842.225	88.981.139
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	9.040.416.546	(1.129.132.595)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.143.629.543	696.554.896
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.909.309.136)	(2.309.437.964)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11 (400.000.000)	(413.335.500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(68.400.000)	(28.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.440.648.839</b>	<b>9.167.918.597</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.851.938.000)	(26.462.242.500)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	491.818.182	1.426.798.804
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(286.800.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.624.282	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.597.295.536)</b>	<b>(25.035.443.696)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, P.Gia Thụy, Q.Long Biên, TP. Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	4.560.183.384	17.552.864.000		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.126.818.736)	(4.927.460.004)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(963.477.155)	-	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(2.530.112.507)</i>	<i>12.625.403.996</i>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(686.759.204)</b>	<b>(3.242.121.103)</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4.751.820.072</b>	<b>7.993.941.175</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.065.060.868</b>	<b>4.751.820.072</b>	

Người lập biểu

Lại Tuyết Kim

Kế toán trưởng

Phạm Thị Anh Thơ

Lập, ngày 8 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Đỗ Văn Huy



# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Vận tải hành khách công cộng và đại lý vận chuyển hàng hóa; Vận tải hành khách liên tỉnh và du lịch, taxi tải và taxi chờ khách.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 219 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 298 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và phí sử dụng đường bộ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (09 năm).

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

##### *Phí sử dụng đường bộ*

Phí sử dụng đường bộ là khoản phí Công ty phải nộp cho các phương tiện giao thông của Công ty, được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian hiệu lực của phí sử dụng đường bộ.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

#### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI**

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### ***Tài sản đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

#### **9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **10. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI**

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Gác 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	747.386.699	1.529.168.153
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.807.133.755	1.187.560.799
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	1.510.540.414	2.035.091.120
<b>Cộng</b>	<b><u>4.065.060.868</u></b>	<b><u>4.751.820.072</u></b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

###### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến dưới 12 tháng tại ngân hàng TMCP Quân Đội.

##### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>8.774.260.000</i>	<i>4.506.519.000</i>
Trung tâm Quản lý và Điều hành Giao thông Đô thị	7.572.159.000	3.434.632.000
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Ninh	1.202.101.000	896.823.000
Các khách hàng khác	-	175.064.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.774.260.000</u></b>	<b><u>4.506.519.000</u></b>

##### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>54.914.700</i>	<i>27.960.000</i>
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	-	27.960.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Bắc Ninh	54.914.700	-
<b>Cộng</b>	<b><u>54.914.700</u></b>	<b><u>27.960.000</u></b>

##### 5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>247.255.866</i>	<i>-</i>	<i>131.398.854</i>	<i>-</i>
Ký cược, ký quỹ	67.550.000	-	10.000.000	-
Tạm ứng	165.100.000	-	105.100.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.605.866	-	16.298.854	-
<b>Cộng</b>	<b><u>247.255.866</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>131.398.854</u></b>	<b><u>-</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	520.927.024	-	627.969.249	-
Công cụ, dụng cụ	12.054.072	-	7.854.072	-
<b>Cộng</b>	<b>532.981.096</b>	<b>-</b>	<b>635.823.321</b>	<b>-</b>

#### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí đường bộ	39.103.000	60.330.891
Chi phí lắp đặt GPS	-	72.016.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	44.396.000	5.682.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	56.421.780	124.405.712
<b>Cộng</b>	<b>139.920.780</b>	<b>262.434.603</b>

##### 7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	4.870.301.986	5.786.538.706
Chi phí sửa chữa	192.831.000	214.944.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	26.106.000	108.872.000
<b>Cộng</b>	<b>5.089.238.986</b>	<b>6.110.354.706</b>

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	5.440.439.841	31.000.000	88.185.481.661	52.380.900	93.709.302.402
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	-	13.777.392.545	-	13.777.392.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.767.789.000)	-	(5.767.789.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.440.439.841</b>	<b>31.000.000</b>	<b>96.195.085.206</b>	<b>52.380.900</b>	<b>101.718.905.947</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.040.272.151	31.000.000	13.557.139.933	52.380.900	15.680.792.984
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3.604.727.956	31.000.000	41.541.615.061	52.380.900	45.229.723.917
Khấu hao trong năm	230.077.190	-	9.804.559.781	-	10.034.636.971
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.767.789.000)	-	(5.767.789.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.834.805.146</b>	<b>31.000.000</b>	<b>45.578.385.842</b>	<b>52.380.900</b>	<b>49.496.571.888</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI**

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.835.711.885	-	46.643.866.600	-	48.479.578.485
Số cuối năm	1.605.634.695	-	50.616.699.364	-	52.222.334.059

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 41.016.310.879 VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Đầu tư Phát triển Campuchia, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ và Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	13.777.392.545	(13.777.392.545)	-
Cộng	-	13.777.392.545	(13.777.392.545)	-

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.780.174.820	3.564.879.649
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (trước là Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội)	4.780.174.820	3.564.879.649
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	8.500.093.869	1.319.773.957
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	-	18.900.000
Công ty Cổ phần TRANAUTO	6.881.400.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.618.693.869	1.300.873.957
Cộng	13.280.268.689	4.884.653.606

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	88.929.051	-	628.144.480	(775.545.983)	-	58.472.452
Thuế thu nhập doanh nghiệp	244.433.123	-	77.117.908	(400.000.000)	-	78.448.969
Thuế thu nhập cá nhân	20.703.191	-	60.591.562	(74.421.441)	6.873.312	-
Tiền thuê đất	7.769.294	-	838.569.052	(846.338.346)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	(4.000.000)	-	-
Cộng	361.834.659	-	1.608.423.002	(2.100.305.770)	6.873.312	136.921.421





## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- |                      |                 |
|----------------------|-----------------|
| - Hoạt động xe bus   | Không chịu thuế |
| - Các hoạt động khác | 10%             |

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	517.816.889	2.117.165.613
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	33.025.310	35.000.000
<i>Thù lao thành viên HĐQT không tham gia điều hành</i>	33.000.000	35.000.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	25.310	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>550.842.199</b>	<b>2.152.165.613</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>110.168.440</b>	<b>430.433.123</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(33.050.532)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>77.117.908</b>	<b>430.433.123</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

- (\*) Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về việc giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

#### *Tiền thuê đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.285.214.244</i>	<i>1.084.191.226</i>
Chi phí lãi vay phải trả	21.761.392	21.475.832
Trích trước chi phí sắm lắp ắc quy	664.055.148	564.866.986
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	434.712.704	292.706.408
Chi phí phải trả khác	164.685.000	205.142.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.285.214.244</u></b>	<b><u>1.084.191.226</u></b>

#### 13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu chưa thực hiện về cho thuê biển quảng cáo.

#### 14. Phải trả khác

##### 14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.099.780.302</i>	<i>1.553.648.426</i>
Kinh phí công đoàn	129.786.626	111.552.453
Phải trả về góp vốn đầu tư xe(*)	4.405.466	29.207.082
Các khoản ký quỹ, ký cược	240.000.000	-
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	963.477.155
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	31.098.166	31.098.166
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	694.490.044	418.313.570
<b>Cộng</b>	<b><u>1.099.780.302</u></b>	<b><u>1.553.648.426</u></b>

(\*) Công ty ký hợp đồng với một số cán bộ công nhân viên trong công ty về việc góp vốn hợp tác kinh doanh: Công ty và cá nhân cùng góp vốn để mua xe ô tô; phân chia lợi nhuận theo hiệu quả của xe. Số tiền góp vốn ban đầu sẽ được trả lại cho cá nhân góp vốn tương ứng với thời gian khấu hao của xe.

##### 14b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.175.837.329</i>	<i>8.460.841.775</i>
Tiền đặt cọc của lái xe	2.688.315.546	2.635.915.546
Tiền ứng trước liên quan đến hợp tác thành lập công ty (**)	4.298.433.057	4.298.433.057
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.189.088.726	1.526.493.172
<b>Cộng</b>	<b><u>8.175.837.329</u></b>	<b><u>8.460.841.775</u></b>

(\*\*) Là khoản tiền hỗ trợ thanh toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các chi phí triển khai dự án theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15A/CPXK-TAXICP-HANOITAXI ngày 05 tháng 3 năm 2011.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Vay

##### 15a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	<u>506.183.384</u>	-
Ông Nguyễn Tiến Phong <sup>(i)</sup>	506.183.384	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)</i>	<u>5.790.220.012</u>	<u>5.832.272.804</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ	1.062.800.000	1.915.300.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	437.500.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính	1.070.000.012	1.070.000.004
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Campuchia- Chi nhánh Hà Nội	3.219.920.000	2.846.972.800
<b>Cộng</b>	<u><b>6.296.403.396</b></u>	<u><b>5.832.272.804</b></u>

- (i) Khoản vay ông Nguyễn Tiến Phong để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng khác (lãi nhập gốc)	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn cá nhân	-	850.000.000	-	6.183.384	(350.000.000)	506.183.384
Vay dài hạn đến hạn trả	5.832.272.804	-	5.513.867.212	-	(5.555.920.004)	5.790.220.012
<b>Cộng</b>	<u><b>5.832.272.804</b></u>	<u><b>850.000.000</b></u>	<u><b>5.513.867.212</b></u>	<u><b>6.183.384</b></u>	<u><b>(5.905.920.004)</b></u>	<u><b>6.296.403.396</b></u>

##### 15b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ <sup>(i)</sup>	1.857.100.000	2.654.200.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm <sup>(ii)</sup>	1.287.001.268	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính <sup>(iii)</sup>	1.337.499.977	2.407.499.989
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia - Chi nhánh Hà Nội <sup>(iv)</sup>	9.937.224.000	11.387.891.200
<b>Cộng</b>	<u><b>14.418.825.245</b></u>	<u><b>16.449.591.189</b></u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Giảng Võ để thanh toán tiền mua 5 xe bus với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 28/02/2019). Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ mục đích kinh doanh vận tải, lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ, thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23/02/2020). Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 02 xe ô tô nhãn hiệu Samco 42 chỗ.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở chính để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ mục đích kinh doanh vận tải, lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 31/03/2018). Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng 05 xe ô tô nhãn hiệu Samco I42 chỗ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Campuchia - Chi nhánh Hà Nội để mua 13 xe bus Samco City và 1 xe CRV với lãi suất thả nổi, lãi suất năm đầu tiên là 7,5%/năm. Sau thời hạn ưu đãi, áp dụng theo lãi suất thả nổi với biên độ 2,5%/năm, điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20/05/2020). Số tiền vay được trả hàng quý. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	5.790.220.012	5.832.272.804
Trên 1 năm đến 5 năm	14.418.825.245	16.449.591.189
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.209.045.257</b>	<b>22.281.863.993</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.449.591.189	4.429.499.993
Số tiền vay phát sinh	3.704.000.000	17.552.864.000
Số tiền vay đã trả	(220.898.732)	(553.000.000)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(5.513.867.212)	(4.979.772.804)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.418.825.245</b>	<b>16.449.591.189</b>

#### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	115.292.397	100.946.297
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	83.792.247	42.346.100
Chi quỹ	(68.400.000)	(28.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>130.684.644</b>	<b>115.292.397</b>

#### 17. Vốn chủ sở hữu

##### 17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	16.394.600.000	678.645.897	2.512.353.069	19.585.598.966
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.686.732.490	1.686.732.490
Chia cổ tức bằng cổ phiếu, tăng vốn	2.458.460.000	-	(2.458.460.000)	-
Phân chia giá trị xe góp vốn thanh lý cho lái xe	-	-	(10.887.550)	(10.887.550)
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	(42.346.100)	(42.346.100)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>18.853.060.000</b>	<b>678.645.897</b>	<b>1.687.391.909</b>	<b>21.219.097.806</b>
Số dư đầu năm nay	18.853.060.000	678.645.897	1.687.391.909	21.219.097.806
Lợi nhuận trong năm	-	-	440.698.981	440.698.981
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	(83.792.247)	(83.792.247)
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>18.853.060.000</b>	<b>678.645.897</b>	<b>2.044.298.643</b>	<b>21.576.004.540</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 17b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.885.306	1.885.306
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.885.306	1.885.306
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.885.306	1.885.306

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 17c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 26/NQ- HĐQT-CPXK ngày 24 tháng 6 năm 2020 như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng : 83.792.247

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh dịch vụ vận tải xe liên tỉnh	7.979.823.212	12.383.160.034
Doanh thu Bus	69.197.368.000	79.250.618.877
Doanh thu kinh doanh dịch vụ điểm đỗ	4.576.986.928	5.828.638.900
<b>Cộng</b>	<b><u>81.754.178.140</u></b>	<b><u>97.462.417.811</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh dịch vụ vận tải xe liên tỉnh	8.278.204.371	11.448.971.100
Giá vốn Bus	63.676.481.402	76.422.310.051
Giá vốn kinh doanh dịch vụ điểm đỗ	3.248.305.407	3.916.381.326
<b>Cộng</b>	<b><u>75.202.991.180</u></b>	<b><u>91.787.662.477</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	76.992.893	155.256.876
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.344.002	5.116.844
<b>Cộng</b>	<b><u>79.336.895</u></b>	<b><u>160.373.720</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.909.594.696	1.034.052.680
Phí phát hành bảo lãnh dự thầu	350.978.917	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.260.573.613</u></b>	<b><u>1.034.052.680</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.042.450.229	2.148.964.479
Chi phí đồ dùng văn phòng	310.056.290	395.901.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.003.849	42.581.831
Thuế, phí và lệ phí	64.789.296	64.789.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	318.567.231	244.574.174
Chi phí bằng tiền khác	1.467.702.966	1.148.550.460
<b>Cộng</b>	<b><u>4.288.569.861</u></b>	<b><u>4.045.361.490</u></b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	417.272.727	1.355.452.147
- Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	491.818.182	1.426.798.804
- Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	(74.545.455)	(71.346.657)
Thanh lý vật tư phụ tùng	19.189.091	15.239.091
<b>Cộng</b>	<b><u>436.461.818</u></b>	<b><u>1.370.691.238</u></b>

### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	-	149.600
Chi phí khác	25.310	9.090.909
<b>Cộng</b>	<b><u>25.310</u></b>	<b><u>9.240.509</u></b>

### 8. Lãi trên cổ phiếu

#### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	440.698.981	1.675.844.940
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(22.034.949)	(83.792.247)
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>418.664.032</b>	<b>1.592.052.693</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.885.306	1.885.306
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>222</u></b>	<b><u>844</u></b>

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.633.781.502	30.740.774.112
Chi phí nhân công	29.032.902.172	27.589.850.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.034.636.971	10.279.876.947
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.872.206.361	18.259.848.051
Chi phí khác	4.918.034.035	8.962.674.742
<b>Cộng</b>	<b><u>79.491.561.041</u></b>	<b><u>95.833.023.967</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH HÀ NỘI

Địa chỉ: Góc 2, Bến xe Gia Lâm, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 632.703.000 VND (cùng kỳ năm trước là 626.586.600 VND).

##### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (trước là Công ty Cổ phần Cổ đông lớn Xăng dầu Chất đốt Hà Nội)	
Công ty Cổ phần Parus	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Bình Minh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hồng Bàng	Cổ đông lớn

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (trước là Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội)</i>		
Mua nhiên liệu	8.689.402.570	15.550.990.710

#### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Lại Tuyết Kim

Kế toán trưởng

Phạm Thị Anh Thơ

Giám đốc

Đỗ Văn Huy